

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường trên địa bàn huyện Phụng Hiệp trước tết Nguyên đán Quý Mão 2023

I. Tổng quan về giá cả thị trường trên địa bàn huyện Phụng Hiệp

Tiếp tục thực hiện công tác cập nhật và báo cáo diễn biến giá hàng hóa thiết yếu, tình hình giá cả thị trường trước tết Nguyên đán 2023 trên địa bàn huyện.

Theo ghi nhận các mặt hàng lương thực, thực phẩm; Giá gas ngày 12/01/2023 giảm từ 14.000đồng/bình/12kg so với cuối tháng 12/2022; xăng dầu trong tháng đầu tháng 01/2023 điều chỉnh tăng như sau: Dầu Do giá 22.590đồng/lít tăng 550 đồng/lít, xăng 95 giá 22.230đồng/lít tăng 1.120 đồng/lít so với cuối tháng 12/2022.

Ngày 11/01/2023 dầu Do giảm còn 22.060đồng/lít giảm 520đồng/lít, xăng 95 giữ nguyên giá.

II. Diễn biến cụ thể:

1. Lương thực, thực phẩm

a. Lương thực:

Cụ thể, lúa IR 50404 đang được thu mua với giá trong khoảng 6.200 - 6.400 đồng/kg. Lúa OM 5451 có giá 6.400 - 6.600 đồng/kg. Giá Lúa Đài thơm 8 vào khoảng 6.700 - 7.000 đồng/kg. Giá lúa OM 18 trong khoảng 6.800 - 7.000 đồng/kg. Lúa Nàng Hoa 9 có giá trong khoảng 6.700 - 7.100 đồng/kg. Giá lúa Nhật vào khoảng 7.700 - 7.800 đồng/kg. Lúa Nàng Nhen (khô) có giá trong khoảng 10.500 - 11.000 đồng/kg.

Giá Gạo tẻ thường (Khang Dân hoặc tương đương) 14.000đồng/kg, Gạo tẻ thường (Xi dẻo hoặc tương đương) 13.000đồng/kg, Gạo tẻ ngon (tám thơm hoặc tương đương) 14.000đồng/kg, Gạo tẻ ngon (tám Thái Lan hoặc tương đương) 14.000đồng/kg, Gạo nếp thường (hạt tròn, địa phương) 15.000đồng/kg, Gạo nếp ngon (nếp cái hoa vàng hạt dài hoặc tương đương) 20.000đồng/kg.

b. Thực phẩm:

Diễn biến cụ thể trong tháng như sau: giá heo hơi tại Phụng Hiệp hiện có giá, có giá từ 52.000đ/kg - 53.000đ/kg, giá một số loại thịt tại chợ, sạp như sau: giá thịt thăn 100.000 đ/kg; thịt ba chỉ có giá 110.000 đ/kg, thịt đùi heo 110.000đ/kg; gà ta làm

sản nguyên con có giá 130.000 đ/kg; vịt làm sản nguyên con 70.000 đồng /kg; thịt thăn bò có giá 230.000đ/kg, bò phi lê dao động từ 220.000 - 230.000đ/kg.

Mặt hàng tươi sống bình ổn giá so với tháng trước cụ thể: cá bạc má có giá 60.000 đ/kg, cá hường 80.000đ/kg, cá lù đù 110.000 đ/kg, vịt xiêm 90.000 - 95.000 đ/kg, tôm sú ướp lạnh cỡ 30-40 con /kg có giá 220.000 đ/kg, cua biển tươi còn sống 2-3 con kg (cua thịt) 280.000đ/kg. Cá lóc nuôi từ 55.000 - 60.000đ/kg, cá lóc đồng dao động từ 100.000 - 130.000đ/kg,

Hiện tại các mặt hàng rau củ quả thiết yếu trong tháng, cụ thể cà chua 27.000 đồng/kg, cải xanh 17.000 đ/kg, bắp cải trắng 20.000 đồng/kg, bí đỏ 18.000 đ/kg, bí xanh 15.000đ/kg, cà rốt 18.000 đ/kg, cải ngọt 14.000đ/kg;

Giá một số trái cây trong tháng tương đối ổn định, cụ thể: Bưởi da xanh có giá từ 25.000 - 30.000 đ/kg, cam sành từ 12.000 - 17.000 đ/kg, cam xoàn giá từ 25.000 - 35.000 đ/kg, dừa hấu không hạt 17.900 đ/kg, khóm Cầu Đúc từ 10.000 - 15.000 đồng/trái.

c. Các loại thức uống:

Giá một số loại bia: Bia SG Lager thùng 24lon x 330ml giá là 255.000 đồng /thùng; Bia Tiger 24lon x 330ml có giá 400.000 đồng/thùng; Bia Heineken 24lonx330ml giá 440.000-455.000 đồng/thùng; Bia 333 thùng 24x330ml có giá 245.000 đồng/thùng. Nước giải khát: Pepsi lon cao 24x330ml giá 190.000 đồng/thùng; Fanta lon cao 24x330ml giá 89.000 đồng/thùng; Coca cola lon cao 24x320ml có giá 198.000 đồng/thùng; Sprite chanh 12 lon 320ml có giá 89.000đ/thùng.

2. Vật tư, vật liệu xây dựng:

Xăng dầu: 01/12/2022 Dầu DO 0,05S-II giảm 1.590đ, giá bán lẻ 23.210đ; Xăng Ron 95 - III giảm 1,080đ, giá bán lẻ 22.700đ; đến ngày 21/12/2022 Dầu DO 0,05S-II giảm giá bán lẻ 22.030đ; Xăng Ron 95 - III giảm giá bán lẻ 21.110đ; giá gas bán lẻ tại các cửa giảm 16.000-19.000 đ bình 12kg tùy loại;

Giá vật liệu xây dựng trong tháng và quý tương đối ổn định, cụ thể: giá bán lẻ xi măng PCB40 Tây Đô đa dụng có giá 83.000 đồng/bao/50kg; Sắt 6 Tây Đô thép cuộn có giá 18.700đ/kg; sắt 8 Tây Đô 19.000đ/kg; sắt 10 Tây Đô 110.000đ/cây 11.7m, sắt 12 Tây Đô 156.000đ/cây 11.7m; sắt 14 Tây Đô 213.000đ/cây 11.7m; sắt 16 Tây Đô 276.000đ/cây 11.7m; sắt 18 Tây Đô 353.000đ/cây 11.7m.

Giá phân bón trong tháng bình ổn so với tháng trước cụ thể một số mặt hàng: DAP TQ tăng 2.110 đồng/kg giá 26.100 đ/kg; NPK 20-20-15 Việt Hàn tăng 100đ/kg giá 12.680 đ/kg; NPK Bình Điền: 25-25-5 tăng 430 đ/kg giá 22.150 đ/kg; NPK Con

cò vàng 30-10-10 giảm 530 đ/kg giá 15.600 đồng/kg; URE Cà Mau: tăng 1.840đ/kg giá 17.320đồng/kg.

3. Giá vàng và đô la Mỹ:

Giá vàng 23 tại thời điểm bán ra: kỳ trước - kỳ này 5.150.000 – 5.220.000 đồng/chỉ.

Giá Dollar Mỹ: Tỷ giá Dollar bán ra kỳ trước - kỳ này 2.360.00 – 2.330.000đồng/100USD.

(Đính kèm phụ lục trong phần nền)

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường của Phòng Tài chính Kế hoạch trên địa bàn huyện Phụng Hiệp./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (QLGCSDN)
- TP, Phó Trưởng phòng;
- Lưu VT._{TV}

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Phạm Văn Liệt